

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 11 - 01- 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Ông Võ Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyền là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng anh Bùi Bảo H, sinh năm 1976

Chị Hồ Thị T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố 9, phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thanh Kim Y, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Anh H có mặt, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ và chị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 06 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Bùi Bảo H trình bày:

Năm 2016, vợ chồng anh H, chị T có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Hồ Thanh Kim Y mượn tiền để nuôi tôm, số tiền vợ chồng anh Đ, chị Y nợ vợ chồng anh H là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Thời gian qua, vợ chồng anh Đ, chị Y trả được 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), còn lại 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) vợ chồng anh H đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh Đ, chị Y không chịu trả nợ. Do đó, vợ chồng anh H, chị T yêu cầu Tòa giải quyết buộc vợ chồng anh Đ, chị Y phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng anh H, chị T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nói trên. Vợ chồng anh H chị T không yêu cầu trả lãi suất.

Tại Bản tự khai ngày 14/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh Đ thừa nhận vợ chồng anh có mượn tiền vợ chồng anh H, chị T để nuôi tôm và hiện tại còn nợ vợ chồng anh H, chị T số tiền 30.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ, anh Đ phải đi làm ăn xa, không nuôi tôm nữa nên không có tiền trả cho vợ chồng anh H, chị T. Nay vợ chồng anh H, chị T khởi kiện yêu cầu trả nợ thì anh Đ đồng ý số nợ và chấp nhận trả nợ cho vợ chồng anh H, chị T. Tuy nhiên, anh xin trả dần số nợ trên. Ngoài ra, anh không có ý kiến bổ sung gì.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thanh Kim Y không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng có nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thanh Kim Y không chấp hành đúng quy định của pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh H, chị T, buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Hồ Thanh Kim Y liên đới trả cho vợ chồng anh H, chị T

số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Vợ chồng anh H, chị T không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Hồ Thanh Kim Y chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn vợ chồng anh Đ, chị Y đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đ có đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử, bị đơn anh Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Y được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Hồ Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Đ, chị Y.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh H, chị T, thấy rằng: Anh Đ thừa nhận vợ chồng anh có mượn tiền để nuôi tôm, số tiền vợ chồng anh Đ, chị Y nợ vợ chồng anh H, chị T là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Vợ chồng anh Đ đã trả 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Hiện tại, vợ chồng anh Đ, chị Y còn nợ vợ chồng anh H, chị T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng là đúng sự thật.

[3.1] Xét giấy mượn tiền giữa anh H và anh Đ thấy rằng vợ anh Đ là chị Y không có ký tên. Tuy nhiên, anh Đ thừa nhận vợ chồng anh có mượn tiền của vợ chồng anh H, chị T. Vợ anh Đ không ký tên nhưng cũng biết việc này. Điều này cho thấy, hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng anh H, chị T và vợ chồng anh Đ, chị Y là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu chị Y có mặt tại Tòa để làm việc nhưng chị Y không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng

dân sự 2015, nên chị Y phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Thấy rằng, việc anh Đ mượn tiền anh H để nuôi tôm, mục đích chính là để phục vụ chi tiêu chung, trang trải cuộc sống của gia đình. Đây là những nhu cầu thiết yếu của gia đình được quy định tại các Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình nên buộc chị Y cũng có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh Đ là phù hợp.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc vợ chồng anh Đ, chị Y không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng anh H, chị T. Do đó, việc vợ chồng anh H, chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị Y phải trả một lần số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, không yêu cầu lãi suất là phù hợp theo quy định tại điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Việc anh Đ xin được trả dần số nợ trên nhưng không được vợ chồng anh H, chị T chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng anh Đ, chị Y phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng (30.000.000 x 5%).

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Bùi Bảo H, chị Hồ Thị T.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Hồ Thanh Kim Y có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng anh H, chị T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Hồ Thanh Kim Y phải chịu 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho vợ chồng anh Bùi Bảo H, chị Hồ Thị T số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí vợ chồng anh H, chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0005895 ngày 08 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phường

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Phường